

## CẤU TRÚC Ý NIỆM 家 (NHÀ) TRONG TIẾNG TRUNG

DẶNG THI HẢO TÂM<sup>1</sup>TAN YUHUI<sup>2</sup>

**Abstract:** This paper focuses on describing the conceptual organization of 家 (jiā, house/home) in Chinese after clarifying the connotations of two working terms concept and conceptual metaphor. Based on the associative meanings triggered by the semantic features of the concept 家, the article identifies a three-tiered structure of its core meaning. These descriptions of this core meaning structure not only clarify the “language nature” of the concept, but also explains why, within the conceptual structure, the core meaning has universal human characteristics, serving as the foundation for understanding its cultural meanings. A case study of the subordinate concept “residential space” aims to further clarify the activating role of semantic features as well as the field–functional nature of the conceptual structure of 家.

**Keywords:** *concept, core meaning, cultural meaning, associative meaning, conceptual metaphor, conceptual structure*

### 1. Giới thiệu

Xuất phát từ sự phân biệt ý niệm với ẩn dụ ý niệm, nghiên cứu này phân tích cấu trúc ý niệm 家 (jiā, nhà) trong tiếng Trung, làm nổi bật sự kích hoạt các nét nghĩa thuộc lõi hạt nhân của ý niệm, mối quan hệ tầng bậc giữa các nét nghĩa. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp vào lĩnh vực ngôn ngữ học tri nhận mà còn thúc đẩy sự nhìn lại một số khái niệm cốt lõi như ý niệm, ẩn dụ ý niệm; từ đó hướng tới việc mở rộng nội hàm nghiên cứu cho ngôn ngữ học tri nhận.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi tập trung sâu hơn cho việc miêu tả đặc điểm cấu trúc lõi hạt nhân của ý niệm 家 như là một cách để thấy rõ sự kích hoạt của các nét nghĩa dựa trên trải nghiệm thân thể. Điều này sẽ giúp nghiên cứu chỉ ra tính phổ quát, tính đặc thù của ý niệm; mặt khác, việc mô tả cấu trúc ý niệm 家 là một cách để chỉ ra cơ sở ngôn ngữ trong việc xác lập các phương diện miền nguồn 家 trong tiếng Trung.

Để thực hiện được mục tiêu trên, bài viết cần thiết trả lời ba câu hỏi nghiên cứu:

- Ý niệm và ẩn dụ ý niệm có phải là hai khái niệm tương đồng?
- Lõi hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung được thể hiện như thế nào?
- Tính chất trường - chức năng của cấu trúc ý niệm 家 (nhà) được thể hiện ra sao?

### 2. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

#### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về cấu trúc ý niệm 家 trong tiếng Trung được triển khai theo một số phương pháp chính yếu sau:

##### a. Phương pháp miêu tả

Dùng để xác định, phân tích ý nghĩa của các nhóm từ ngữ được kích hoạt từ nghĩa khái niệm 家. Việc miêu tả đặc điểm ngữ nghĩa của các nhóm từ không chỉ dừng lại ở nghĩa thông tin mà còn được mở rộng sang nghĩa ngữ dụng để làm rõ cơ chế liên tưởng.

##### b. Phương pháp phân tích thành tố nghĩa

Dùng để tách rời định nghĩa về 家 thành các nét nghĩa. Việc làm này sẽ giúp nghiên cứu phác họa được cấu trúc nghĩa hạt nhân của ý niệm 家.

<sup>1</sup> Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email liên hệ: Dhaotam@gmail.com

<sup>2</sup> Đại học Văn Sơn

### c. Phương pháp phân tích ý niệm

Dùng để nhận diện, phân loại nghĩa hạt nhân và nghĩa văn hoá của cấu trúc ý niệm 家, đồng thời xác lập tính tầng bậc của cấu trúc ý niệm.

#### 2.2. Cơ sở dữ liệu

Để thực hiện việc khảo sát và nghiên cứu cấu trúc ý niệm 家, chúng tôi dựa vào hai cuốn từ điển: 汉语大词典 (Đại Từ điển tiếng Hán) [9, tr.1457] và 现代汉语词典 (Tự điển tiếng Trung hiện đại) [10, tr.653]. Đây là hai cuốn từ điển có uy tín, được giới nghiên cứu ngôn ngữ học Trung Quốc đánh giá cao.

#### 2.3. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo 4 bước chính:

1) *Lựa chọn ngữ liệu và xây dựng khung phân tích*: Các từ chỉ 家 xuất hiện trong hai cuốn từ điển được chọn dựa trên mật độ ẩn dụ và tính liên quan chủ đề. Tiếp đó, một khung lí thuyết được thiết lập bao gồm: lí thuyết ý niệm, ẩn dụ ý niệm.

2) *Nhận diện và phân tích định nghĩa về khái niệm 家*: Đọc và phân tách định nghĩa liên quan đến nhóm từ vựng chỉ 家 theo các lát cắt ngữ nghĩa. Kết quả của thao tác này là các nét nghĩa biểu thị khái niệm 家.

3) *Phân loại và phân tích các nhóm từ ngữ được kích hoạt bởi nét nghĩa*: Quy nhóm các từ ngữ vào khuôn nét nghĩa; Xác định tính hệ thống của các nhóm từ ngữ được kích hoạt bởi nét nghĩa thuộc cấu trúc hạt nhân ý niệm 家; Vận dụng lí thuyết tri nhận nghiệm thân để làm rõ nghĩa liên tưởng tạo nên cấu trúc tầng bậc của ý niệm 家.

4) *Xây dựng mô hình cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家*: Cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家 được mô hình hoá theo nét nghĩa tâm - biên và nhóm từ ngữ tương ứng.

### 3. Cơ sở lí thuyết

#### 3.1. Ý niệm

Bàn về ý niệm, một số nhà nghiên cứu đã có ý kiến như sau:

Stepanov cho rằng: “Ý niệm tựa như một khối kết đồng của nền văn hoá trong ý thức con người; dưới dạng của nó nền văn hoá đi vào thế giới ý thức (tư duy) của con người, và mặt khác, ý niệm là cái mà nhờ đó con người - người bình thường, không phải là “người sáng tạo ra những giá trị văn hoá” - chính con người đó đi vào văn hoá, và trong một số trường hợp nhất định có tác động đến văn hoá.” [dẫn theo 1, tr.26]. Với Slyshkin thì “Ý niệm là đơn vị của tư duy, là yếu tố của ý thức. Việc nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn hoá sẽ không đầy đủ nếu thiếu cái khâu trung gian này. Thông tin văn hoá đi vào ý thức, ở đây nó được sàng lọc, được chế biến.” [dẫn theo 1, tr.26]. Trần Văn Cơ khẳng định: “Ý niệm là sự kiện của lời, đó là lời nói được phát ra.”, và “Ý niệm phản ánh thế giới khách quan qua lăng kính của ý thức dân tộc. Do đó ý niệm mang tính dân tộc sâu sắc” [1, tr.26-27]. Kovecses trong mục “Glossary” của chuyên luận “Metaphor: A Practical Introduction” đã định nghĩa ý niệm theo kiểu gián tiếp, lấy thuật ngữ này để giải thích thuật ngữ khác. Cụ thể, câu trả lời cho câu hỏi: Ý niệm là gì? như sau: *See Conceptual domain* (xem ý niệm miền nguồn) [6]. Như vậy, với Kovecses, ý niệm liên quan đến miền. Theo Triệu Diễm Phương: “Ý niệm là kết quả của việc nhận thức về sự vật, cấu trúc của nó dựa trên cơ sở cấu trúc phạm trù. Ý nghĩa của ngôn ngữ không phải là bản thân sự vật mà là nhận thức khái quát của con người về chúng, tồn tại bên trong tác dụng tương hỗ giữa con người với môi trường.” [4, tr.135].

Có thể nhận thấy điểm chung nhất về khái niệm “ý niệm” từ những nghiên cứu trên gồm: (i) Ý niệm là kết quả nhận thức về thế giới khách quan của con người và mang tính dân tộc sâu sắc; (ii) Ý niệm được biểu hiện trong lời nói, hiện hữu thông qua lời nói. Riêng tác giả Triệu Diễm Phương có những tương giải cụ thể hơn về tính chất của ý niệm: “Ẩn dụ và hoán dụ là công cụ hữu hiệu nhất để con người tri nhận và biểu đạt các ý niệm trừu tượng, nó không chỉ là ngôn ngữ, mà còn là tri nhận, ý niệm” [4, tr.151].

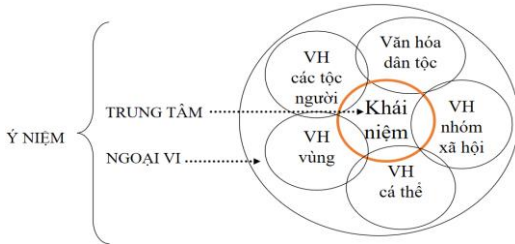
Ngay trong chương đầu tiên của cuốn sách mở đầu cho trào lưu nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận “*Chúng ta sống bởi ẩn dụ*”, Lakoff và Johnson đã có một tựa đề rất ngắn gọn “*Concept we live by*” (Chúng ta sống bằng ý niệm). Tựa đề này được minh chứng bởi một nhận xét lặp lại theo những cách diễn đạt khác nhau ở một số trang khác nhau: “... hầu hết các hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta có bản chất ẩn dụ.” [7, tr.24], “Các hệ thống ý niệm của các nền văn hoá có bản chất ẩn dụ.” [7, tr.62]. Ở một vị trí khác, tại trang 27, các tác giả cho rằng: “Để có một ý tưởng ban đầu về việc thế nào là tính ẩn dụ của ý niệm, và một ý niệm ẩn dụ như vậy cấu trúc một hoạt động thường nhật có thể là gì, hãy bắt đầu với ý niệm TRANH LUẬN và một ẩn dụ ý niệm TRANH LUẬN LÀ CHIẾN TRANH”. Chúng tôi nhận thấy Lakoff và Johnson đã rất cẩn trọng trong diễn đạt: “ý niệm TRANH LUẬN” và “ẩn dụ ý niệm TRANH LUẬN LÀ CHIẾN TRANH”. Xuyên suốt công trình kể trên, các tác giả luôn dùng thuật ngữ “conceptual metaphor” ngay khi đưa ra mệnh đề: A LÀ B. Trong khi thuật ngữ “concept” luôn gắn với một phạm trù/ miền nguồn/ miền đích. Ví dụ: ý niệm VẬT THỂ, VẬT CHỨA,..., “ẩn dụ ý niệm TRƯỜNG NHÌN LÀ MỘT VẬT CHỨA”. Cách diễn đạt này của hai tác giả cũng xuất hiện phổ biến trong *Metaphor: A Practical Introduction 2nd* [6]. Chẳng hạn: “the concept of argument is understood in terms of metaphors such as: AN ARGUMENT IS A JOURNEY” [6, tr.107]. Đặc biệt, đánh giá mối quan hệ giữa ý niệm và ẩn dụ ý niệm, Triệu Diễm Phương nhấn mạnh: ẩn dụ và hoán dụ có tác dụng “hình thành các khái niệm trừu tượng và phức tạp” [4, tr.142].

Chúng tôi nhận thấy có một số điểm chung của các nhà nghiên cứu trên trong quan điểm về “ý niệm” và “ẩn dụ ý niệm”. Thứ nhất, ý niệm và ẩn dụ ý niệm (trong bài viết này, chúng tôi dùng thuật ngữ ẩn dụ ý niệm thay cho cả hoán dụ ý niệm với nghĩa là phương thức tư duy, khác với ẩn dụ từ vựng - phương thức tạo từ) có mối liên hệ mật thiết với nhau như hai mặt của một tờ giấy. Thứ hai, ý niệm là kết quả của ẩn dụ. Ngược lại, ẩn dụ là phương tiện tạo ra ý niệm, là con đường dẫn tới ý niệm. Điều này có nghĩa là hầu hết các ý niệm của nhân loại được tổ chức thông qua một hay nhiều ẩn dụ. Thứ ba, nói tới ý niệm không thể không bàn tới ẩn dụ và ngược lại. Điều này có nghĩa bản chất của ý niệm được cấu trúc một cách ẩn dụ, nghĩa là ý niệm được hiểu một phần thông qua các ý niệm khác. Do đó không thể đồng nhất hai thuật ngữ “concept” và “conceptual metaphors”. Như vậy, những cách diễn đạt mà chúng ta thường xuyên đọc được: ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU, ẩn dụ ý niệm CHIẾN TRANH, ẩn dụ ý niệm DỊCH BỆNH COVID... rõ ràng chưa chuẩn xác. Chính xác hơn, chúng phải được diễn đạt là: ý niệm TÌNH YÊU, ý niệm CHIẾN TRANH, ý niệm DỊCH BỆNH COVID... Như vậy, việc miêu tả ẩn dụ ý niệm theo sơ đồ ánh xạ: A LÀ B nên được bắt đầu bằng việc mô tả cấu trúc hạt nhân của ý niệm. Bởi hầu hết mọi sự chuyển dịch cấu trúc từ miền nguồn B tới miền đích A đều dựa trên cái lõi trung tâm - hạt nhân của ý niệm. Với nội dung bàn luận trên, câu hỏi nghiên cứu thứ nhất đã được trả lời.

### 3.2. Cấu trúc ý niệm

Bàn về quá trình hình thành cấu trúc ý niệm, Triệu Diễm Phương đã khẳng định: “Nghĩa của từ là hình thức biểu hiện của ý niệm trong ngôn ngữ, các từ có thể phản ánh các sự vật, hiện tượng trên thế giới bằng các ý niệm. Nghĩa của từ thuộc phạm trù ngữ nghĩa, còn ý niệm là phạm trù của tư duy, là nền tảng nghĩa từ.” [4, tr.133]. Từ đó, việc nghiên cứu ý niệm khó tách rời nghiên cứu ý nghĩa do có liên quan tới cùng một đơn vị ngôn ngữ là từ. Từ những vấn đề trên, nghiên cứu này sẽ tìm hiểu nghĩa của từ 家 (nhà) như một căn cứ để nghiên cứu cấu trúc ý niệm 家 (nhà) với hai hợp phần: lõi hạt nhân của ý niệm và nghĩa văn hoá của ý niệm.

Theo Trần Văn Cơ, ý niệm có cấu trúc nội tại, bao gồm: (i) nội dung thông tin về thế giới hiện thực và thế giới tưởng tượng và mang những nét phổ quát; (ii) tất cả những gì làm cho ý niệm trở thành một sự kiện văn hoá, nghĩa là ý niệm chứa những nét đặc trưng văn hoá - dân tộc [19, tr.140]. Cũng theo Trần Văn Cơ, ý niệm có cấu trúc trường- chức năng được tổ chức theo mô hình trung tâm (hạt nhân) và ngoại vi theo sơ đồ dưới đây:



Hình 1a: Mô hình cấu trúc của ý niệm  
(Trần Văn Cơ [1, tr.142])

Quan điểm nghiên cứu trên về lõi hạt nhân (core) cho thấy lõi hạt nhân của một ý niệm là tập hợp các đặc điểm cơ bản, ổn định và mang tính phổ quát nhất. Đây là những thuộc tính mà hầu hết mọi người trong một cộng đồng ngôn ngữ đều công nhận, không bị thay đổi nhiều bởi bối cảnh cá nhân hay văn hoá. Lõi hạt nhân giúp chúng ta nhanh chóng xác định và phân loại các đối tượng trong thế giới. Nó thường được hình thành từ kinh nghiệm cảm nhận trực tiếp của con người về thế giới vật lí. Điều này khiến cho khái niệm lõi hạt nhân rất gần với điển mẫu (prototype).

Nghĩa văn hoá (Cultural Meaning) là lớp vỏ bọc của lõi hạt nhân. Nếu lõi hạt nhân là khung xương, thì nghĩa văn hoá là phần da thịt, là lớp nghĩa đa dạng và phong phú được thêm vào bởi bối cảnh văn hoá cụ thể. Nghĩa văn hoá được hình thành từ các niềm tin, giá trị, lịch sử và truyền thống của một cộng đồng. Nó giải thích tại sao cùng một ý niệm cốt lõi lại có những biểu hiện khác nhau, thậm chí đối lập, ở các nền văn hoá khác nhau. Chẳng hạn, lõi hạt nhân của ý niệm 家 là cơ sở nền tảng để hiểu ẩn dụ ý niệm: Ranh giới các vấn đề xã hội là bộ phận của nhà hiện diện trong những ngữ cảnh khác nhau trong tiếng Trung như sau: 大学的门槛/ngưỡng cửa đại học; 经济基础/nền kinh tế; 敞开大门, 虚心接受社会各界的监督/Mở rộng cánh cửa, khiêm tốn tiếp thu sự giám sát từ mọi tầng lớp xã hội; 拆掉封建思想的篱笆/Phá bỏ hàng rào tư tưởng phong kiến.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Thành tố trung tâm của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung

Để miêu tả được lõi hạt nhân ý của ý niệm 家, chúng tôi bắt đầu bằng việc tìm hiểu định nghĩa về từ “家” trong hai cuốn từ điển [9], [10]. 汉语大词典 (Đại Từ điển tiếng Hán) định nghĩa về “家(nhà)<sub>1</sub>” như sau: 人所居, 住房。亦特指自己家庭的住。(Nơi ở của con người; nơi ở. Cũng như chỉ đến nơi ở của gia đình mình.) [9, tr.1457]. 现代汉语词典 (Từ điển tiếng Trung hiện đại) định nghĩa về “家(nhà)<sub>1</sub>” như sau: 家庭; 人家 (Gia đình; hộ gia đình.) 2. 家庭的住所。(2. Nơi ở của gia đình) [10, tr.653].

Căn cứ vào lời giải thích nghĩa của từ 家 (nhà), chúng tôi nhận thấy ý niệm 家 có hạt nhân là khái niệm được suy luận dựa theo từ điển: Nơi ở của con người. Nghĩa hạt nhân này tạo ra trong tâm trí người Trung Quốc một vùng liên tưởng khá rõ nét về các yếu tố liên quan và các yếu tố lân cận như dưới đây:

- “nơi ở”: nhà được xác định là nơi cư trú trong không gian với những tên gọi (1), được tạo nên bởi một lớp các thành tố, cấu trúc có chức năng để chủ thể con người ở (2).

- “của con người”: nhà là sản phẩm do con người tạo ra; nói tới nhà là nói đến hoạt động xây dựng (3).

Bản chất của ẩn dụ ý niệm là tư duy liên tưởng dựa trên sự trải nghiệm của con người. Theo đó, nhắc tới nhà là nhắc tới giá trị của nhà, vị trí toạ lạc, đặc điểm kiến trúc của nhà,... Cụ thể, các thành tố trực tiếp trên đây lại kích thích sự xuất hiện của một loạt liên tưởng khác ở mức độ rộng hơn:

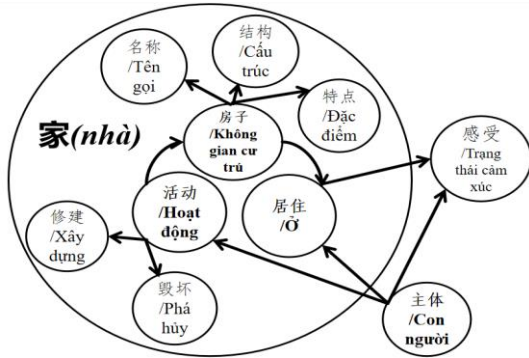
- “không gian cư trú”: có 名称/tên gọi (1), có 特点/đặc điểm hình thức (2), có cấu trúc: các 结构/cấu trúc (3) tạo nên cấu trúc nội tại và cấu trúc ngoại tại của chính thể nhà.

- “hoạt động xây dựng”: một quá trình phức tạp bao gồm giai đoạn 修建/xây dựng và 毁坏/phá hủy (2) do chủ thể con người thực hiện. Cần có vật liệu, thiết kế theo một kiểu nhất định, quy trình thực hiện một chuỗi các hoạt động.

- “ở”: 居住感受/trạng thái cảm xúc (1) của chủ sở hữu về nhà.

Có thể mô hình hoá cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong mô hình 1 dưới đây:

Theo sơ đồ trên, hạt nhân là khái niệm, nằm ở trung tâm của trường chức năng, nó mang tính phổ quát toàn nhân loại. Nằm ở ngoại vi (những vòng tròn nhỏ giao nhau) là những nét đặc thù văn hoá - dân tộc, trong đó có yếu tố hàng đầu là giá trị (giá trị văn hoá, giá trị vật chất, giá trị tinh thần). Nét đặc thù văn hoá được biểu hiện trên rất nhiều phương diện. Chẳng hạn văn hoá toàn dân tộc, văn hoá tộc người, văn hoá vùng miền, địa phương,...



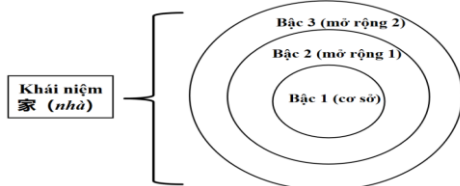
Mô hình 1: Cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung

Trong mô hình trên, thành tố ý niệm bậc thứ nhất “nơi cư trú của con người” là vòng tròn to nhất, bao quanh các thành tố ngoại vi, các thành tố ý niệm bậc thứ hai “không gian cư trú”, “hoạt động xây dựng”, “chức năng ở”, cùng với 7 thành tố ý niệm bậc thứ ba xung quanh, trong đó, thành tố “tên gọi, cấu trúc, đặc điểm, hoạt động” nằm trọn vẹn trong vùng lõi ý niệm 家 (nhà), ngoài ra, các thành tố còn lại “trạng thái cảm xúc” của chủ thể con người nằm ở ngoài nghĩa hạt nhân của ý niệm 家 (nhà). Chủ thể con người là đối tượng của nhà nuôi dưỡng và bảo vệ, thể hiện chức năng của nơi trú.

Thành tố “hoạt động xây dựng” của chủ thể con người là hoạt động làm cho xuất hiện hoặc phá huỷ. Nói tới sản phẩm nhà là nói đến hoạt động xây dựng của con người, đồng thời con người và cảm giác của chủ sở hữu về nhà cũng là trung tâm của nhà. Các thành tố nằm vùng lõi chính là các thành tố không tách rời được của ý niệm 家 (nhà), những thành tố này có thể thể hiện quy luật của xã hội trong tư duy của con người. Những thành tố thuộc ngoại biên là khái niệm liên tưởng kéo theo của khái niệm. Chúng tôi cho rằng văn hoá và tư duy khác biệt sẽ ảnh hưởng tới sự liên tưởng, khả năng kích hoạt từ vùng lõi đến vùng ngoại vi.

Mỗi khái niệm đều chứa đựng các thành tố cơ bản, đó là cơ sở để hình thành các miền ý niệm, nếu như khái niệm 家 (nhà) là hạt nhân của ý niệm 家 (nhà), thì chúng ta có thể coi các thành tố thuộc vùng lõi khái niệm là bậc 1, còn những thành tố ngoại vi là bậc 2 và bậc 3. Trong vòng tròn, bậc 1 là bậc cơ sở, có tính cố định, bậc 2 và bậc 3 là bậc mở rộng, có tính linh hoạt. Xét về các vòng nghĩa liên tưởng, mô hình 1 bố trí thành ba bậc: bậc cơ sở và bậc mở rộng, các thành tố ở ngoại biên lại tạo nên vòng liên tưởng thứ hai. Nếu vẽ lại thành lược đồ, cấu trúc ý niệm 家 (nhà) sẽ có dạng ba bậc: bậc cơ sở, bậc 2 (tạm gọi là bậc mở rộng 1) và bậc 3 (tạm gọi là bậc mở rộng 2).

Có thể giản lược cấu trúc ba bậc của ý niệm 家 (nhà) làm hạt nhân ý niệm theo lược đồ như sau:



Lược đồ 1: Cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung

Theo mô hình này, thuộc về cấu trúc bậc 1 gồm: Nơi cư trú của con người. Cấu trúc bậc 2 gồm: Không gian cư trú, Hoạt động của con người tác động tới 家 (nhà), Chức năng của 家 (nhà). Cấu trúc bậc 3 gồm: Tên gọi của các loại 家 (nhà), Cấu trúc nội tại, cấu trúc ngoại tại của 家 (nhà), Đặc điểm hình thức của 家 (nhà) và Trạng thái cảm xúc của chủ thể con người.

Lược đồ 1 là cấu trúc khái quát, khi ứng với một khái niệm cụ thể, cấu trúc này được tường minh hoá, thể hiện nhận thức của con người về 家 (nhà).

Nhận xét này được làm sáng tỏ bởi những kích hoạt nghĩa liên tưởng từ nghĩa hạt nhân “nơi cư trú”, “hoạt động xây dựng”, “chức năng ở” để tạo thành một ý niệm cụ thể trong nhóm cấu trúc ý niệm 家 (nhà).

Những miêu tả, luận giải về lõi hạt nhân của cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong mục 4.1 trên đây giúp trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ 2: Ý niệm 家 (nhà) có cấu trúc hạt nhân như thế nào? Dưới đây, chúng tôi tập trung mô tả nghĩa liên tưởng được kích hoạt từ nét nghĩa “nơi cư trú” thuộc khái niệm 家 (nhà) như một nghiên cứu trường hợp về tính tầng bậc của cấu trúc nghĩa hạt nhân. Hệ quả tất yếu của việc làm này là làm sáng tỏ nghĩa văn hoá của cấu trúc ý niệm 家 (nhà) đồng thời giúp trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ ba: (iii) Tính chất trường - chức năng của cấu trúc ý niệm 家 (nhà) được thể hiện ra sao?

#### 4.2. Nghiên cứu trường hợp: Cấu trúc hạt nhân của ý niệm bậc dưới NOI CƯ TRÚ

Tìm hiểu cấu trúc hạt nhân của ý niệm bậc dưới Noi cư trú được bắt đầu bằng sự phát triển của chữ 家 (nhà) trong tiếng Trung qua các chữ dưới đây:



Hình 1. Sự phát triển của từ “家”(nhà).

(Nguồn: Hán điển mạng: <https://www.zdic.net/>)

Quan sát đặc điểm cấu tạo của chữ 家 (nhà) qua các thời kì lịch sử như trong hình trên, từ trái sang phải là 甲骨文/chữ giáp cốt<sup>3</sup>, 金文/kim văn<sup>4</sup>, 楚系簡帛 (隶书)/thể chữ lệ<sup>5</sup>, 秦系簡牘(小篆)/tiểu triện<sup>6</sup>, 说文/thuyết văn<sup>7</sup>, 楷书/khải thư<sup>8</sup>, phiên âm là “jiā”. Theo “Thuyết văn giải tự” giải thích rằng, 宀 (bộ miên): “家, 居也。从宀豕省声。/Gia tức là cư trú, ở; do “宀” miên (mái che/mái nhà) biểu nghĩa, dạng giản hoá của “豕(jiǎ)” biểu âm, thanh bằng” [11, tr.150]. Căn cứ vào cách nói của 许慎/Hứa Thận<sup>9</sup> triều đại Đông Hán trực tiếp giải thích là “nơi ở”, Hứa Thận cho rằng 家 (nhà) là chữ hình thanh<sup>10</sup>, bộ miên 宀 là hình, dưới chữ 豕/lợn là thanh, nghĩa gốc của chữ 家 (nhà) là “nơi ở của con người”. Nhưng theo quan niệm của 段玉裁/Đoàn Ngọc Tài<sup>11</sup>, nghĩa gốc của 家 (nhà) là “chuồng lợn”, ông cho rằng 家 (nhà) là “nơi ở của lợn”, sau đó mới dần dần mở rộng có nghĩa là “nơi ở của con người” [11, tr.150].

Có nhiều ý kiến khác nhau về nghĩa gốc của từ 家 (nhà). Từ hình dạng, bộ miên 宀 thường dùng để chỉ nhà cửa và các loại kiến trúc. Chữ 豕/lợn ở dưới về cơ bản là hình ảnh con lợn đực trong các chữ cổ xưa, khi xây nhà, người ta đặt những tấm ván gỗ ngăn cách tầng trên và tầng dưới. Người dân sống ở tầng trên, gia súc ở tầng dưới. Kiểu kiến trúc này nhằm bảo vệ con người khỏi lũ lụt và động vật hoang dã.

Trong giai đoạn đầu của xã hội Trung Quốc, khi chữ Hán bắt đầu được hình thành, xã hội vẫn còn mang tính chất mẫu hệ. Trong bối cảnh chỉ biết đến mẹ mà không xác định được cha, khái niệm 家 (nhà) theo nghĩa truyền thống chưa được hình thành một cách rõ ràng và hệ thống. Đồng thời, khái niệm này cũng chưa bao hàm các yếu tố như sự thừa nhận phổ biến trong xã hội hiện đại, hay các khía cạnh pháp luật và chế độ một vợ một chồng. Trong xã hội cổ đại, lợn là loài vật thường được nuôi trong mỗi gia đình và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống sinh hoạt. Do đó, hình ảnh con lợn thường dùng để tượng trưng cho 家 (nhà). Theo thời gian, cùng với sự phát triển của kinh tế và nhận thức về vệ sinh, con người đã thay đổi cách chăn nuôi gia súc, từ đó khái niệm (nhà)” được mở rộng để chỉ “nơi ở và sinh sống của con người”. Ngoài ra, trong văn hoá Trung Quốc cổ đại, lợn còn mang ý nghĩa biểu tượng cho sự đông con, hàm ý gia đình đông đúc, phát triển thịnh vượng. Vì vậy, khái niệm 家 (nhà) từ xa xưa đã được gắn liền với ý nghĩa “gia đình” và “gia tộc”.

<sup>3</sup> Chữ giáp cốt hoặc văn giáp cốt: chữ khắc trên mai rùa và xương thú thời nhà Thương Trung Quốc, thế kỉ XVI - XI trước công nguyên.

<sup>4</sup> Kim văn: văn tự khắc trên đồng, thời nhà Ân - Chu, Tần - Hán bên Trung Quốc.

<sup>5</sup> Thể chữ lệ hoặc lối chữ lệ: chữ viết được khắc trên phiếu tre hoặc viết trên vải từ thời Tần đến đầu thời Hán.

<sup>6</sup> Tiểu triện: chỉ nét vẽ tương đối đơn giản vào thời nhà Tần, Lí Tư và những người khác biên soạn và đơn giản hoá chữ Đại triện, còn được gọi là chữ triện Tần.

<sup>7</sup> Thuyết văn: chỉ hình thức chữ viết (chữ Tiểu triện) trong *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận.

<sup>8</sup> Khải thư hoặc chữ khải: một trong những cách viết chữ Hán cơ bản, phát triển từ thể chữ lệ.

<sup>9</sup> 许慎/Hứa Thận: (khoảng năm 58 - 147), là một nhà kinh học, nhà văn tự học nổi tiếng thời Đông Hán của Trung Quốc, và được mệnh danh là “Bậc thầy chữ học” và “Nhà chữ thánh” của Trung Quốc. Tác phẩm kinh điển *说文解字/Thuyết văn giải tự* của ông, là từ điển đầu tiên ở Trung Quốc và thậm chí trên thế giới, từ điển giải thích về nguồn gốc và cấu trúc của chữ Hán.

<sup>10</sup> Có sáu cách cấu tạo chữ Hán được giải thích trong *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận: 象形字、指事字、会意字、形声字、转注字、假借字/chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh, chữ chuyển chú và chữ giả tá. [74].

<sup>11</sup> Đoàn Ngọc Tài (段玉裁, 1735 - 1815) là một nhà kinh học, nhà âm vận học và huấn hử học nổi tiếng thời nhà Thanh, Trung Quốc. Ông đi đầu trong việc chú giải cuốn từ điển *Thuyết văn giải tự*, đóng góp quan trọng trong việc làm sáng tỏ và hệ thống hoá kiến thức về chữ Hán cổ.

Từ hình dáng nét chữ của 家 (nhà), chúng tôi thấy về cơ bản có ba cách liên tưởng từ khái niệm 家 (nhà). Cả ba liên tưởng này có liên quan chặt chẽ với hình dạng của nhà. Một là tập trung vào bộ miên 宀 có ý nghĩa nhà cửa; hai là nhấn mạnh phần chữ 豕/lợn ở dưới, tức là những đồ vật bên trong ngôi nhà; ba là kết hợp hai phần để tạo thành một khái niệm tổng thể. Tiếp theo, chúng tôi sẽ phân tích sâu hơn về lõi hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) theo ba tư duy liên tưởng này.

(a) Bộ miên 宀 gợi liên tưởng về nghĩa nhà cửa

Ý nghĩa của 家 (nhà) có liên quan chặt chẽ với bộ miên 宀, nhưng ít liên quan đến chữ 豕/lợn ở dưới. Hầu hết các chữ có liên quan bao gồm cả *Thuyết văn giải tự* vẫn sử dụng nghĩa “nhà cửa” làm nghĩa duy nhất hoặc nghĩa chính, và nghĩa này cũng được mở rộng thành “an cư” hoặc “định cư”. Kết hợp với quan điểm của 段玉裁/Đoàn Ngọc Tài [11, tr.150], chúng tôi nhận thấy cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung được kích hoạt theo tư duy liên tưởng mở rộng như sau: Nơi ở của lợn → Nơi ở của con người → An cư, định cư.

(b) Liên tưởng về nghĩa của 家 (nhà) được gợi ra từ phần dưới chữ 豕/lợn

Từ cấu trúc ban đầu của ý niệm 家 (nhà), sự liên tưởng tập trung vào phần dưới chữ 豕/lợn nhằm nhấn mạnh những thứ tồn tại trong nhà. Theo đó có năm ý nghĩa mở rộng như sau: Thứ nhất là những lời nói khiêm tốn dùng để chỉ người thân của mình như “家人, 家父, 家母/người trong gia đình, cha, mẹ”. Thứ hai, chỉ “家产, 家业/gia sản; gia nghiệp”; Thứ ba, được dùng làm động từ “养家/hỗ trợ gia đình”, với nghĩa phụng dưỡng người già, nuôi dạy con cái, duy trì và quản lí tài sản của gia đình. Thứ tư, được dùng với nghĩa làm tính từ chỉ “nội bộ”. Chẳng hạn như “家贼, 家丑/trộm trong nhà, nội gián, việc xấu trong nhà”. Thứ năm, được dùng với nghĩa động vật được thuần hoá tại nhà, trái ngược với động vật hoang dã, như “家禽, 家畜/gia cầm, gia súc”. Năm ý nghĩa mở rộng này của cấu trúc ý niệm 家 (nhà) vẫn được sử dụng cho đến ngày nay trong tiếng Trung hiện đại.

(c) Kết hợp hai phần 宀 và 豕 để tạo thành một khái niệm tổng thể

Thời xa xưa người dân thường thờ cúng tổ tiên bằng cách bày lợn đực trong tông miếu (như Hình 2).

Vì vậy, “nơi cư trú” của nghĩa hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) có thể ám chỉ phòng chính - gian giữa ngôi nhà, nơi thờ cúng tổ tiên hoặc tông miếu. Theo đó, cấu trúc hạt nhân 家 (nhà) được mở rộng dựa trên cơ sở liên tưởng tương hợp giữa 宀 và 豕 để tạo thành nghĩa “nơi thờ cúng tổ tiên”.

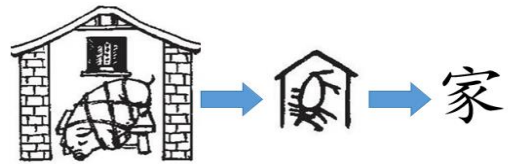
Từ những điều phân tích trên, có thể thấy, sự hình thành cấu trúc hạt nhân của ý niệm 家(nhà) phản ánh lịch sử, là sản phẩm của quá trình phát triển của xã hội Trung Quốc đến một giai đoạn nhất định và là biểu tượng quan trọng của con người bước vào xã hội văn minh. Ngoài ra, có nhiều từ có bộ miên 宀 đều liên quan đến nhà như: ngôi nhà để con người che mưa che nắng và tránh thú dữ được gọi là 安/an; ngôi nhà bị cháy gọi là 灾/tai nạn; 室/phòng dùng để chỉ căn phòng bên trong ngôi nhà, v.v. Hiện nay, nơi để nghỉ ngơi được gọi là “phòng ngủ” và nơi để học tập được gọi là “phòng sách”, v.v.

Không gian cư trú được tạo ra thông qua quá trình hoạt động xây dựng của chủ thể con người. Trong vòng lõi chính của ý niệm 家 (nhà), không gian cư trú thường có thể mở rộng đến những liên tưởng khác, cụ thể như:

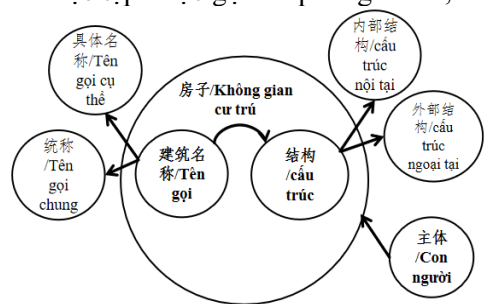
- 建筑名称/tên gọi: 具体名称/tên gọi cụ thể (1), 统称/tên gọi chung (2).

- 结构/cấu trúc: 内部结构/cấu trúc nội tại (1), 外部结构/cấu trúc ngoại tại (2) của không gian cư trú.

Chúng tôi có thể mô hình hoá nghĩa liên tưởng được kích hoạt từ nét nghĩa hạt nhân “nơi cư trú” như mô hình 2.



Hình 2: Hình ảnh bày lợn đực để thờ cúng tổ tiên (Nguồn: <https://hao.360.com/>)



Mô hình 2: Nghĩa liên tưởng được kích hoạt từ nét nghĩa hạt nhân “không gian cư trú”

Theo mô hình này, thành tố ý niệm bậc thứ nhất nằm ở trung tâm trọn vẹn trong vùng lõi chính. Thành tố “con người” cũng là chủ thể tác động đến thành tố bậc thứ nhất “không gian cư trú”. Từ mô hình này chúng tôi thấy các thành tố liên tưởng bậc thứ hai cũng nằm ở trong vòng tròn bao gồm: 建筑名称/tên gọi, 结构/cấu trúc. Các thành tố ở xung quanh bậc thứ ba, nằm ở ngoại biên của vòng tròn. Các nghĩa liên tưởng được kích hoạt từ nét nghĩa hạt nhân “không gian cư trú” phản ánh ý niệm 家 (nhà) là một tổng thể phức tạp, có tính tầng bậc, bao gồm nhiều thành tố khác nhau. Chúng phản ánh tri nhận của người Trung Quốc về ngôi nhà, từ kiến trúc bên trong đến bên ngoài, từ bộ phận bất khả li (tường, mái, cột) đến bộ phận khả li (sân, vườn, hàng rào...) để tạo thành chính thể 房子/không gian cư trú.

### 5. Kết luận

Dựa vào nền tảng lí thuyết của Lakoff và Johnson, Kovecses, Triệu Diễm Phương, Trần Văn Cơ, nghiên cứu này xác lập rằng ý niệm và ẩn dụ ý niệm là hai thuật ngữ có nội hàm khác nhau. Ẩn dụ ý niệm là cơ chế ánh xạ theo mô hình đơn tuyến *A là B*. Ý niệm là một cấu trúc bao gồm lõi hạt nhân và nghĩa văn hoá. Ý niệm gắn với miền, phạm trù. Đặc trưng của ý niệm là cấu trúc nghĩa hạt nhân, là các thành tố tạo nên lõi hạt nhân và nghĩa văn hoá. Chính những thành tố này là một trong những cơ sở để xác định các phương diện của miền nguồn. Trong khi đó, mô hình ẩn dụ *A LÀ B* tập trung vào cơ chế ánh xạ. Ẩn dụ ý niệm là sự cụ thể hoá cho ý niệm. Bằng cách vận dụng mô hình cấu trúc ý niệm, bài viết đã mô tả cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung, trong đó lõi hạt nhân được mã hoá thành hệ thống nét nghĩa dựa trên sự kích hoạt liên tưởng. Kết quả này giúp nghiên cứu “nhìn thấy” cấu trúc ý niệm 家 (nhà) như một chỉnh thể bao gồm nghĩa hạt nhân và nghĩa văn hoá. Nghiên cứu trường hợp ý niệm bậc dưới KHÔNG GIAN CƯ TRÚ cho thấy tính chất trường - chức năng của ý niệm được tổ chức theo mô hình trung tâm và ngoại vi. Từ kết quả miêu tả lõi hạt nhân cùng các thành tố được kích hoạt bởi tư duy liên tưởng theo cấp bậc, bài viết cho rằng ý niệm 家 (nhà) là một ý niệm đa chiều và nội hàm bao gồm các tiểu ý niệm phản ánh nghĩa khái niệm nhà cùng nghĩa văn hoá của nó. Những miêu tả về cấu trúc nghĩa hạt nhân của ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung chẳng những làm rõ “tính ngôn ngữ” của ý niệm mà còn thể hiện cách tiếp cận mới về mảng đề tài ẩn dụ tri nhận vốn không còn xa lạ.

Từ nền tảng đã xác lập, nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng đến các nét nghĩa thuộc lõi hạt nhân đã kích hoạt liên tưởng đến những tiểu ý niệm khác nhau, cơ sở nghiệm thân của sự kích hoạt đó. Thậm chí, có thể đối chiếu cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung với tiếng Việt.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ. *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*. NXB Khoa học xã hội. 2007.
2. Trần Văn Cơ. *Khảo luận - Ẩn dụ tri nhận*. NXB Lao động - Xã hội. 2007.
3. Trần Văn Cơ. *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển*. NXB Phương Đông. 2011.
4. Triệu Diễm Phương. *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận* (Đào Thị Hà Ninh dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2011.
5. Đặng Thị Hào Tâm. *Ý niệm HUỖN trong tiếng Thái Việt Nam (có liên hệ với tiếng Việt)*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu giữa các ngôn ngữ năm 2024. NXB Thế giới. 2024.

#### Tiếng Anh

6. Kovecses, Z. *Metaphor: A Practical Introduction 2nd*. Oxford University Press. 2010.
7. George Lakoff & Mark Johnson. *Metaphors we Live by*. Chicago. University of Chicago Press. 1980.
8. Vyvyan Evans. *A Glossary of Cognitive Linguistics*. Edinburgh University Press. 2007.

#### Tiếng Trung

9. 冯友兰. 中国哲学史[M]. 古吴轩出版社. 1934.
10. 李泽厚. 美的历程[M]. 岳麓书社出版社. 1981.
11. 费孝通. 乡土中国[M]. 江苏凤凰文艺出版社. 2017年01月.